

Số: /KH-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2021

**KẾ HOẠCH
Phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng
trong hoạt động động cơ quan Nhà nước năm 2022**

**Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021**

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Trên cơ sở các chủ trương, kế hoạch của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, quản lý và điều hành nhằm triển khai, thúc đẩy hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh, một số văn bản cụ thể:

- Công văn số 402-CV/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về dự thảo Nghị quyết Chuyển đổi số của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Công văn số 892-CV/TU ngày 05/11/2021 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về nâng cao chỉ số xếp hạng chuyển đổi số cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

- Thông báo số 527-TB/TU ngày 09/12/2021 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về chủ trương thực hiện dự án hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.

- Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND tỉnh thông qua Đề án hoàn thiện chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông các nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ngành Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh phê duyệt đề cương Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 2298/QĐ-CT ngày 27/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền quản lý thuê bao chứng thư số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc (phiên bản 1.0).

- Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án hoàn thiện chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Tổ công tác xây dựng và triển khai Kế hoạch cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.

- Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND tỉnh về việc công bố xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2020.

- Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 về việc kiện toàn và đổi tên Ban chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc.

- Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh ban hành mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị phục vụ kết nối chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh ban hành danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh Vĩnh Phúc.

- Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động cơ quan Nhà nước năm 2021 và giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh về tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đào tạo nguồn nhân lực về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình “Sóng và máy tính cho em” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh về việc phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc triển khai Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương.

- Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.

- Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh về việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh về chuyển đổi số, hoàn thiện Chính quyền điện tử, hướng đến Chính quyền số và Phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Đến nay, tùy theo quy mô, mức độ và chất lượng khác nhau, nhưng 100% cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị 3 cấp tỉnh - huyện - xã đã được trang bị máy tính, mạng LAN, kết nối Internet băng thông rộng cố định. Đã thực hiện kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng đến 169 đơn vị, địa phương, đồng bộ đến cấp xã. Tỷ lệ cán bộ công chức viên chức (CBCCVC) được trang bị máy tính ở cấp tỉnh là 100%, cấp huyện là 95% và cấp xã là 80%.

Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh Vĩnh Phúc được đầu tư đồng bộ về công nghệ, quản lý tập trung, trang bị hệ thống bảo mật bảo đảm an toàn an ninh thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước: thiết bị tường lửa, phòng chống Virus; hệ thống máy chủ quản lý hệ thống và hệ thống máy chủ ứng dụng; hệ thống sao lưu, dự phòng dữ liệu; hệ thống an ninh và giám sát; hệ thống báo và chữa cháy tự động; hệ thống quản trị tập trung, giám sát môi trường; hệ thống lưu điện; hệ thống điều hòa chính xác.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến: gồm 01 điểm tập trung tại UBND tỉnh, 09 điểm tại UBND các huyện, thành phố và 02 điểm tại các sở, ngành đã được vận hành hiệu quả, phục vụ các cuộc họp từ Trung ương đến cấp tỉnh và cấp huyện, góp phần tiết kiệm thời gian, ngân sách, bảo đảm nhiều thành phần CBCCVC có thể tham gia hội nghị.

Tuy nhiên, nhiều trang thiết bị được trang bị theo các giai đoạn khác nhau, chưa bảo đảm đồng bộ, còn nhiều thiết bị cũ, ảnh hưởng tới việc triển khai các ứng dụng dùng chung.

III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG

Hệ thống LGSP tỉnh Vĩnh Phúc (do Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ) được cài đặt, vận hành tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh. Đã thiết lập nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung tỉnh Vĩnh Phúc, đã kết nối với Cổng thanh toán tập trung Quốc gia và sẵn sàng kết nối đến các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành trung ương.

Hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục tham mưu với UBND tỉnh triển khai dự án Đầu tư nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) tỉnh Vĩnh

Phúc đề thay thế Hệ thống nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung mà Bộ Thông tin và Truyền thông đang hỗ trợ. Dự án này đang ở giai đoạn thi công, dự kiến thử nghiệm các kết nối trong tháng 12/2021 và đưa vào vận hành chính thức trong tháng 01/2022.

Đã triển khai kết nối liên thông, tích hợp giữa Cổng Dịch vụ công của tỉnh và Hệ thống thông tin một cửa điện tử với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Ngày 11/11/2021, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 10052/UBND-VX3 về việc triển khai phần mềm một cửa, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. Theo đó UBND tỉnh đồng ý cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn sử dụng thử nghiệm phần mềm một cửa, dịch vụ công trực tuyến VNPT iGate để chính thức tiếp nhận hồ sơ, dữ liệu giải quyết các hồ sơ thủ tục hành chính từ ngày 15/11/2021. Phần mềm đáp ứng về khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử; đáp ứng yêu cầu kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đồng bộ tự động thủ tục hành chính từ cơ sở dữ liệu dịch vụ công, đồng thời liên thông với phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư và phần mềm quản lý chứng thực, hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và của tỉnh.

Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Vĩnh Phúc đã được Văn phòng UBND tỉnh triển khai đến các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn để thực hiện báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh. Hệ thống đã kết nối liên thông với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; đã thiết lập đầy đủ chế độ báo cáo của các đơn vị vào hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (gồm 26 chế độ báo cáo theo Quyết định 35/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 và 123 chỉ tiêu báo cáo theo Quyết định 2654/QĐ-UBND ngày 27/10/2020).

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

Hiện có 42 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các sở, ngành đạt cấp độ an toàn thông tin mở cấp độ 1,2 (xác định cấp độ theo Điều 7, Điều 8 của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ), được cài đặt, vận hành, lưu trữ và quản lý tập trung, bảo đảm an toàn thông tin mạng tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh.

(Danh mục các cơ sở dữ liệu tại Phụ lục 1, kèm theo Kế hoạch này).

V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Ứng dụng công nghệ thông tin để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh và 42 Cổng thông tin điện tử của ngành, địa phương tiếp tục được vận hành, cập nhật dữ liệu theo quy định. Các Cổng thông tin điện tử đã cơ bản đăng tải công khai các thông tin theo quy định

tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, qua đó góp phần đẩy mạnh minh bạch và tiếp cận thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân với các cơ quan Nhà nước. Hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục tham mưu với UBND tỉnh triển khai dự án Nâng cấp Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc và các cổng thành phần. Dự án này đang ở giai đoạn thi công, dự kiến đưa vào vận hành chính thức trong Quý I/2022.

Đã triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, theo danh mục thủ tục hành chính tại các Quyết định của UBND tỉnh tại các Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 21/11/2019; số 2476/QĐ-CT ngày 02/10/2020; số 2914/QĐ-CT ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh; số 705/QĐ-CT ngày 24/3/2021; số 1346/QĐ-CT ngày 28/5/2021.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ phận một cửa

- Triển khai và vận hành hiệu quả hệ thống phần mềm ứng dụng cho Bộ phận một cửa tại 20 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, 09 UBND huyện, thành phố và 136 UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Tính đến ngày 14/11/2021, phần mềm một cửa cấp huyện, cấp xã đã tiếp nhận mới 157.054 hồ sơ, lũy kế đã và đang giải quyết trong kỳ 164.063 hồ sơ. Trong đó, đến hạn giải quyết 161.578 hồ sơ, đã có kết quả trả trước và đúng hạn 146.777 hồ sơ (đạt tỷ lệ 90,08%). Phần mềm Một cửa hành chính công ứng dụng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công được vận hành từ năm 2018, tiếp tục được khai thác hiệu quả. Tính đến ngày 20/11/2021, hệ thống đã tiếp nhận mới 51.754 hồ sơ, lũy kế đã và đang giải quyết trong kỳ 61.263 hồ sơ. Trong đó, đến hạn giải quyết 51.007 hồ sơ, đã có kết quả trả trước và đúng hạn 50.817 hồ sơ (đạt tỷ lệ 99,63%).

- Đã triển khai chính thức phần mềm một cửa, dịch vụ công trực tuyến VNPT iGate tại cấp huyện, xã (bắt đầu từ ngày 15/11/2021); thử nghiệm tại các cơ quan cấp tỉnh bắt đầu từ tháng 11/2021, dự kiến kết thúc thử nghiệm trong tháng 12/2021. Phần mềm đáp ứng về khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử; đáp ứng yêu cầu kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đồng bộ tự động thủ tục hành chính từ cơ sở dữ liệu dịch vụ công, đồng thời liên thông với phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư và phần mềm quản lý chứng thực, hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và của tỉnh.

- UBND tỉnh đã giao các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn sử dụng thử nghiệm phần mềm một cửa, dịch vụ công trực tuyến VNPT iGate để chính thức tiếp nhận hồ sơ, dữ liệu giải quyết các hồ sơ thủ tục hành chính từ ngày 15/11/2021. Phần mềm đáp ứng về khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử; đáp ứng yêu cầu kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đồng bộ tự động thủ

tục hành chính từ cơ sở dữ liệu dịch vụ công, đồng thời liên thông với phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư và phần mềm quản lý chứng thực, hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và của tỉnh.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ

Phần mềm quản lý văn bản và điều hành (quản lý văn bản và điều hành): đã triển khai cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và 136 xã, phường, thị trấn; thực hiện liên thông với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành qua Trục liên thông văn bản quốc gia; bảo đảm tích hợp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ, đáp ứng quy trình gửi, nhận văn bản điện tử tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ.

Tính đến ngày 14/12/2021 có 1.116.511 văn bản đến trên phần mềm quản lý văn bản (cấp tỉnh 319.228 văn bản, cấp huyện 157.487 văn bản, cấp xã 639.796 văn bản), có 279.849 văn bản đi trên phần mềm quản lý văn bản (cấp tỉnh 106.457 văn bản, cấp huyện 80.037 văn bản, cấp xã 93.355 văn bản), có 268.958 văn bản đi ký số trên phần mềm quản lý văn bản (cấp tỉnh 105.537 văn bản, cấp huyện 76.936 văn bản, cấp xã 86.485 văn bản).

Ngoài hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành dùng chung cho cơ quan nhà nước, Văn phòng UBND tỉnh có triển khai 01 phần mềm quản lý văn bản và điều hành dùng riêng, có kết nối với phần mềm quản lý văn bản và điều hành dùng chung của tỉnh, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia và tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg và Thông tư số 01/2019/TT-BNV.

Ứng dụng thư điện tử công vụ: Hiện cấp hơn 7.000 hộp thư điện tử cho 100% cơ quan, đơn vị địa phương (trừ viên chức thuộc ngành y tế, giáo dục). Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng thư điện tử còn thấp (theo báo cáo định kỳ hàng tháng về kết quả ứng dụng CNTT xây dựng chính quyền điện tử của Sở TT&TT).

Ứng dụng chữ ký số: Đến nay, đã cấp chứng thư số cho 39 cơ quan, đơn vị, với tổng số 2.030 chứng thư số bao gồm 1.595 chứng thư số cá nhân, 435 chứng thư số cơ quan. Đã đăng ký cấp 77 Sim PKI cho lãnh đạo của 21 cơ quan, đơn vị. Hiện nay, 100% sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đã triển khai ký số văn bản đi và phát hành trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành. Tỷ lệ ký số trên phần mềm quản lý văn bản của tỉnh là 96% (tỷ lệ ký số của các sở, ban, ngành là 99%, tỷ lệ ký số của UBND các huyện, thành phố là 96%, tỷ lệ ký số của UBND các xã, phường, thị trấn là 93%).

Bên cạnh việc sử dụng các ứng dụng dùng chung nêu trên, hầu hết các đơn vị, địa phương đều sử dụng các phần mềm quản lý, chuyên ngành như: Quản lý kế toán - tài chính, tài sản; Quản lý nhân sự; Quản lý hộ tịch; Quản lý bảo hiểm

xã hội, bảo hiểm y tế; phần mềm các ngành thuế, kho bạc, hải quan,...

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

- Tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh (đơn vị quản lý, vận hành hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh) hiện có 05 cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin và điện tử viễn thông, có năng lực, trình độ chuyên môn cao. Tuy nhiên, với khối lượng công việc rất lớn và phức tạp thì số lượng cán bộ trên chưa đủ để bao quát toàn bộ công việc theo chức năng, nhiệm vụ công việc được giao.

- Đa số các sở, ban, ngành, huyện, thành phố đã có lãnh đạo phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan. Tuy nhiên, do mức độ quan tâm và quyết tâm ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành của lãnh đạo các cơ quan khác nhau, trình độ và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin còn nhiều bất cập, vì vậy mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành tại tỉnh nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn.

- Hầu hết các sở, ngành, địa phương đều bố trí tối thiểu 01 cán bộ phụ trách kỹ thuật về công nghệ thông tin của đơn vị. Các cán bộ này đều có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, cơ bản đáp ứng trong việc tham mưu, vận hành hệ thống công nghệ thông tin tại đơn vị. Tuy nhiên, do nhiều người còn kiêm nhiệm các công việc khác nên ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ trong tham mưu, vận hành hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị mình.

- Năm 2021, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức 14 lớp đào tạo kiến thức cơ bản về an toàn, an ninh thông tin cho 496 học viên là cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; tổ chức đào tạo kiến thức nâng cao về an toàn, an ninh thông tin cho 30 cán bộ là quản trị mạng của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

VII. AN TOÀN THÔNG TIN

- Hiện tại có 06 hệ thống thông tin đã được UBND tỉnh phê duyệt cấp độ an toàn cấp độ 3 gồm: Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh Vĩnh Phúc; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống Cổng thông tin - Giao tiếp điện tử của tỉnh và các Cổng thông tin điện tử thành phần của các Sở, ngành, địa phương; Hệ thống Một cửa điện tử; Hệ thống Thư điện tử công vụ; Cơ sở hạ tầng hệ thống mạng và dịch vụ hệ thống. Phương án bảo đảm an toàn thông tin trong thiết kế và vận hành hệ thống thông tin phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn dữ liệu, liên kết, tích hợp kỹ thuật, vận hành, bảo mật cho các ứng dụng và cơ sở dữ liệu của tỉnh, ngành với hệ thống thiết bị, phần mềm bảo mật, an toàn an ninh thông tin đồng bộ, hiện đại.

Đến nay, đã có 24 sở, ngành và 09 huyện, thành phố được trang bị các trang thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh mạng, cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản lý tập trung cho hơn 4.000 máy chủ, máy trạm và thiết bị đầu cuối tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện nhằm nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại. Phần mềm có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu mã độc về Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Công tác diễn tập bảo đảm an toàn thông tin các cơ quan Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc được Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hàng năm nhằm tăng cường giải pháp phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn, bảo đảm an toàn cho hệ thống thông tin của tỉnh và nâng cao năng lực tổ chức, kỹ năng phối hợp, phân tích, xử lý sự cố an toàn thông tin mạng của cán bộ quản lý, vận hành các hệ thống thông tin của tỉnh.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí dành cho ứng dụng CNTT của tỉnh Vĩnh Phúc năm 2021 là 83.589 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2, kèm theo Kế hoạch này).

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NĂM 2022

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Luật An toàn thông tin ngày 11/9/2015;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ TT&TT ban hành Khung kiến trúc Chính phủ Việt Nam phiên bản 2.0;

Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND tỉnh thông qua Đề án hoàn thiện CQĐT hướng tới chính quyền số tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án hoàn thiện Chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc, phiên bản 2.0;

Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án phát triển Kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng;

Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm (2021-2025);

Công văn số 3570/BTTTT-THH ngày 16/9/2021 của Bộ TT&TT và Công văn số 8421/UBND-VX3 ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc xây dựng Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh Vĩnh Phúc; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước và chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; phát triển chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; nâng cao vị trí xếp hạng về chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước

- 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành;

- 100% lãnh đạo các cơ quan nhà nước được cấp, sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ.

- 100% các văn bản, tài liệu (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) trao đổi qua giữa các cơ quan Nhà nước thực hiện dưới dạng điện tử và bảo đảm bảo tính pháp lý của văn bản, tài liệu điện tử theo quy định.

- 100% UBND cấp huyện, xã giải quyết thủ tục hành chính qua Hệ thống

thông tin một cửa dùng chung của tỉnh.

- 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Tăng cường sử dụng hiệu quả hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Rút ngắn thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử.

- Tối thiểu 30% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- 100% các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan Nhà nước thuộc tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, trên các phương tiện và nền tảng truy cập khác nhau.

- Trên 30% hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 20%.

3. Bảo đảm an toàn thông tin

- Triển khai xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

- Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh để tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống dịch vụ CNTT phục vụ chính quyền điện tử của tỉnh.

- 100% các máy tính của cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc, virus tập trung, kết nối chia sẻ thông tin về mã độc với hệ thống phòng chống mã độc của Bộ TT&TT.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng.

4. Hạ tầng kỹ thuật

- Tăng cường năng lực hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh

và cơ quan Nhà nước các cấp, đáp ứng mô hình điện toán đám mây và yêu cầu kỹ thuật triển khai xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh hướng tới Chính quyền số theo đúng lộ trình.

- Thí điểm cung cấp từ 4 đến 6 dịch vụ đô thị thông minh.
- Chuyển đổi Ipv6 cho mạng lưới, dịch vụ, ứng dụng, phần mềm và thiết bị trên địa bàn tỉnh bảo đảm sự phát triển, tính sẵn sàng tương thích với sự phát triển mạng mẽ của các xu hướng công nghệ mới trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

5. Phát triển nguồn nhân lực

- 100% cán bộ chuyên trách CNTT được đào tạo nâng cao về CNTT, đặc biệt là nâng cao trình độ về an toàn thông tin mạng cho cán bộ chuyên trách CNTT và đội ứng cứu sự cố về an toàn thông tin mạng trong toàn tỉnh.
- Tiếp tục đào tạo kiến thức an toàn thông tin cơ bản và kỹ năng tin học văn phòng, sử dụng thư điện tử, truy cập Internet..., phục vụ công việc cho CBCCVC và hướng đến đào tạo “công dân điện tử”.

IV. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Bám sát các yêu cầu, chỉ tiêu về chuyển đổi số đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo để tiếp tục tham mưu với HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo các nội dung, cụ thể:

- Nghị quyết của HĐND tỉnh về thúc đẩy dịch vụ công thiết thực mức độ 4, giai đoạn 2022-2025, mục đích hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành chính sách ưu đãi thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin tại các cơ quan trong hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chỉ thị của UBND tỉnh về thúc đẩy chuyển đổi số, giai đoạn 2022-2025.

- Quyết định của UBND tỉnh quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan quản lý hành chính nhà nước trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương.

- Quyết định của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ số chuyển đổi số áp dụng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy chế: Quy chế quản lý, vận hành Trung tâm Dữ liệu của tỉnh; Quy chế kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh; Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc; Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh

Phúc; Quy chế về hoạt động của Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh; Quy chế quản lý, thu thập, khai thác, chia sẻ dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường.

- Đề án Chuyển đổi số trong ngành giáo dục đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch tuyên truyền Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia;

- Kế hoạch số hóa thủ tục hành chính và số hóa dữ liệu của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch phát triển hạ tầng Bưu chính - Viễn thông trên địa bàn tỉnh phục vụ chuyển đổi số đến năm 2025.

- Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Nâng cấp trung tâm dữ liệu của tỉnh, thuê trung tâm dữ liệu dự phòng, bảo đảm tiêu chí triển khai và sử dụng dịch vụ điện toán đám mây; sẵn sàng hạ tầng triển khai các ứng dụng dùng chung, ứng dụng chuyên ngành của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh; đủ điều kiện để triển khai Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC), sẵn sàng tích hợp các dịch vụ đô thị thông minh; giám sát, đánh giá hiệu quả việc vận hành, khai thác các ứng dụng tại các sở, ngành, địa phương của tỉnh.

- Củng cố hệ thống hội nghị truyền hình phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đến các sở, ngành của tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Củng cố an toàn thông tin, an ninh mạng (Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn, an ninh không gian mạng - SOC, triển khai hệ thống phòng chống mã độc, Virus, kết nối, chia sẻ thông tin tập trung).

- Nâng cấp mạng máy tính, máy tính của các sở, ban, ngành của tỉnh; mạng máy tính, máy tính, máy in, máy quét cấp xã, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất cho cấp xã tham gia cung cấp dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4, khai thác, vận hành hệ thống một cửa điện tử liên thông, triển khai các ứng dụng chuyên ngành, số hóa, cập nhật dữ liệu điện tử.

- Thuê hệ thống Camera giám sát an toàn giao thông, an ninh trật tự nhằm giám sát giao thông tại một số điểm công cộng phức tạp, kịp thời phát hiện, xử lý các điểm nóng, điểm nghẽn giao thông; hỗ trợ lực lượng bảo đảm an toàn giao thông, góp phần giữ an ninh trật tự, kịp thời xử lý các tình huống mất an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin cho cấp xã, củng cố hệ thống thông tin cơ sở (Đài truyền thanh không dây, bảng tin điện tử, trang web cấp xã, hệ thống thông tin nguồn...), phục vụ triển khai chính quyền điện tử tỉnh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật xây dựng Chính quyền điện tử, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

- Triển khai hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) của tỉnh phục vụ kết nối nền tảng Chính phủ điện tử quốc gia; tích hợp các ứng dụng, dịch vụ và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh vào hệ thống.

- Kết nối, tích hợp các hệ thống dùng chung của tỉnh với các cổng thanh toán điện tử tập trung do Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ đã xây dựng, phát triển nền tảng cung cấp các dịch vụ trên thiết bị di động hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tra cứu, khai thác các hệ thống thông tin, dịch vụ công.

- Thuê hệ thống GIS dùng chung tỉnh Vĩnh Phúc nhằm xây dựng và hình thành các cơ sở dữ liệu GIS tổng hợp phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Cung cấp nền tảng công nghệ GIS cho các sở, ban, ngành, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh có nhu cầu ứng dụng có thể kế thừa, sử dụng, khai thác và phát triển các ứng dụng và hỗ trợ người dân và doanh nghiệp được tiếp cận nhiều nguồn thông tin.

4. Phát triển dữ liệu

- Hợp tác với các tập đoàn công nghệ lớn, thử nghiệm và thuê các ứng dụng dùng chung của tỉnh (triển khai đặt tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp hỗ trợ vận hành, quản trị, hỗ trợ người dùng, bảo đảm nâng cấp bổ sung tính năng theo yêu cầu quản lý; bảo đảm an toàn, bảo mật, chủ động về dữ liệu), bao gồm: Cổng dịch vụ công, một cửa điện tử cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã; Phần mềm quản lý văn bản (mở rộng, đồng bộ đến các cơ quan đảng, đoàn thể 3 cấp tỉnh - huyện - xã); Trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC và các dịch vụ đô thị thông minh; Hệ thống bản đồ GIS dùng chung; Kho dữ liệu điện tử dùng chung; Cơ sở dữ liệu đất đai...

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, công dữ liệu mở, công cụ phân tích dữ liệu (hình thức thuê) cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, phân tích phục vụ sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, như: Cơ sở dữ liệu về đất đai; cơ sở dữ liệu về văn hóa, du lịch...

- Nâng cấp, củng cố hệ thống phản ánh, kiến nghị của tỉnh trở thành kênh giao tiếp giữa doanh nghiệp, người dân với chính quyền.

- Hỗ trợ chuyển đổi số tại cấp xã, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã phục vụ quản lý nhà nước; ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thanh thông minh; sàn giao dịch điện tử phục vụ doanh nghiệp, tiểu thương, hộ

gia đình; chăm sóc sức khỏe, giáo dục... trước mắt năm 2022, thực hiện tại 04 xã, thị trấn: Thổ Tang, Hướng Đạo, Lăng Công, thị trấn Tam Đảo.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

a) Ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan Nhà nước

- Tiếp tục hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh đảm bảo việc liên thông kết nối hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc đáp ứng yêu cầu tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đồng bộ 3 cấp tỉnh - huyện - xã, phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- Duy trì, nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm dùng chung trong hoạt động các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tăng cường sử dụng văn bản điện tử, ứng dụng chứng thư, chữ ký số trong liên thông văn bản điện tử.

- Triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 3 cấp tỉnh - huyện - xã.

b) Ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Nâng cấp, duy trì hoạt động Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử của tỉnh và các cổng thành phần.

- Tham mưu UBND tỉnh về triển khai phần mềm Một cửa điện tử ứng dụng các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh trên cơ sở đánh giá kết quả thử nghiệm phần mềm một cửa, dịch vụ công trực tuyến VNPT iGate. Cung cấp 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp. Xây dựng chính sách thúc đẩy ứng dụng dịch vụ công mức độ 4.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cổng dữ liệu mở, công cụ phân tích dữ liệu (hình thức thuê) cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, phân tích phục vụ sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, như: Cơ sở dữ liệu về đất đai; hệ thống thông tin về điều hành xe buýt...

- Nâng cấp hệ thống phản ánh, kiến nghị của tỉnh trở thành kênh giao tiếp giữa doanh nghiệp, người dân với chính quyền.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn.

- Rà soát, kiểm tra, đánh giá, thẩm định và tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh theo cấp độ như quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; Thông tư Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 21/4/2017 của Bộ TT&TT Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP.

- Triển khai xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Tổ chức đào tạo, tuyển dụng hình thành đội ngũ chuyên trách về an toàn thông tin; duy trì các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng CNTT, phổ biến các văn bản quản lý nhà nước về CNTT như: Luật, Nghị định, các văn bản hướng dẫn... cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp; Tổ chức phổ biến, đào tạo, tuyên truyền kiến thức về chuyển đổi số, Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử cấp tỉnh và đánh giá hiệu quả đầu tư ứng dụng CNTT.

- Tiếp tục rà soát, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức về quản trị hệ thống, an toàn thông tin... cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT làm việc tại các đơn vị, địa phương. Cử cán bộ có năng lực tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu phù hợp với chuẩn của trong nước và quốc tế về quản trị mạng, an toàn, bảo mật thông tin.

V. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Quảng bá, tuyên truyền sâu rộng đến người dân và doanh nghiệp về việc triển khai Chính quyền điện tử/Chính quyền số của tỉnh, bảo đảm cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể tiếp cận sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

- Đẩy mạnh tương tác trực tuyến giữa cơ quan Nhà nước và người dân, doanh nghiệp thông qua kênh Hệ thống tiếp nhận, giải quyết các phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân với chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc; Phần mềm điều tra đánh giá

mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với Chính quyền tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp khai thác các dịch vụ công mức độ 3, 4 của tỉnh.

2. Phát triển mô hình kết hợp giữa các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai chính quyền điện tử và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm, năng lực sản xuất của doanh nghiệp CNTT, tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai các dịch vụ Chính quyền số thuận lợi.

- Lựa chọn hợp tác với các Tập đoàn công nghệ lớn (VNPT, Viettel, FPT...); các Tập đoàn đang có các sản phẩm CNTT cung cấp cho Chính phủ, triển khai xây dựng các hệ thống CNTT mang tính hệ thống, để thuận lợi trong việc tích hợp, liên thông các hệ thống, khai thác chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung. Đẩy mạnh các hình thức thuê dịch vụ Viễn thông, CNTT phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử.

3. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút chuyên gia, nhân lực tham gia xây dựng, phát triển chính quyền điện tử.

- Từng bước thay đổi cơ cấu ngân sách dành cho ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền điện tử. Ưu tiên nguồn kinh phí sự nghiệp, bố trí thực hiện các nhiệm vụ thuê dịch vụ CNTT, theo định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông (*Hàng năm bảo đảm tổng nguồn kinh phí thường xuyên và đầu tư công tối thiểu từ 1% trên tổng chi ngân sách nhà nước dành cho chuyển đổi số, hoàn thiện chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh, kinh tế số, xã hội số của tỉnh; bảo đảm tối thiểu 10% kinh phí từ các dự án, chương trình CNTT dành cho an toàn, an ninh mạng*).

- Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực CNTT.

4. Tăng cường vai trò của người đứng đầu

- Quyết liệt chỉ đạo việc vận hành, sử dụng các ứng dụng CNTT tại các cơ quan đơn vị. Xây dựng công cụ giám sát, đánh giá việc vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh. Xem xét trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan trong trường hợp các ứng dụng CNTT tại các cơ quan, đơn vị hoạt động không hiệu quả.

- Chủ động tham gia các chương trình hợp tác về CNTT với các tỉnh phát

triển mạnh về CNTT; tổ chức học tập kinh nghiệm, kết nối chia sẻ thông tin CNTT với các tỉnh thành khác.

VI. DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ

Chi tiết cụ thể nhu cầu danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT của các cơ quan Nhà nước năm 2022.

(Chi tiết xem tại Phụ lục 3, kèm theo Kế hoạch này).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các sở, ban, ngành, cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn, UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công thực hiện năm 2022 theo Kế hoạch về cải thiện và nâng cao Chỉ số chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số, hoàn thiện Chính quyền điện tử, hướng đến Chính quyền số và Phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông – cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh theo thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh với UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, giải quyết.//

Nơi nhận:

- Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số (B/c);
 - Bộ Thông tin và Truyền thông (B/c);
 - Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (B/c);
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Thành viên BCD Chuyển đổi số tỉnh;
 - Báo Vĩnh Phúc, Đài PT-TH tỉnh, Công TT-GTĐT tỉnh;
 - Lưu: VT, VX3, TTTHCB;
- (H- 17 b). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Chí Giang

Phụ lục 1:
DANH MỤC CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Phần mềm hỗ trợ đối thoại doanh nghiệp;
2. Phần mềm quản lý dữ liệu bản đồ địa chính, lớp dữ liệu trên nền GIS;
3. Phần mềm quản lý hạ tầng viễn thông trên nền GIS và Phần mềm Quản lý báo cáo chỉ tiêu ICT Index Vĩnh Phúc trực tuyến;
4. Phần mềm quản lý khiếu nại, tố cáo;
5. Phần mềm cơ sở dữ liệu ngành thanh tra;
6. Hệ thống thông tin quản lý giáo dục;
7. Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức;
8. Phần mềm quản lý Đào tạo nghề, quản lý Bảo trợ xã hội và phần mềm quản lý Bảo hiểm y tế;
9. Phần mềm sàn giao dịch công nghệ điện tử;
10. Phần mềm quản lý ISO điện tử;
11. Phần mềm quản lý chương trình nông thôn mới;
12. Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu ngành Công Thương;
13. Phần mềm quản lý số hóa lưới điện trên nền GIS;
14. Phần mềm quản lý Tòa soạn Báo Vĩnh Phúc điện tử;
15. Phần mềm quản lý hạ tầng giao thông trên nền GIS (GIS giao thông);
16. Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về giá;
17. Phần mềm quản lý các Khu công nghiệp trên nền GIS;
18. Phần mềm quản lý Dân tộc;
19. Phần mềm quản lý Bảo tàng;
20. Phần mềm quản lý Tôn giáo;
21. Website Trung tâm CNTT và Truyền thông;
22. Phần mềm Quản lý thực đơn dinh dưỡng cho các trường mầm non;
23. Website trường Trung cấp Y;
24. Website Trung tâm đào tạo lao động xuất khẩu Sở Lao động, TB&XH;
25. Website Bệnh viện Sản nhi Vĩnh Phúc;
26. Website Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc;
27. Website Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Vĩnh Phúc;

28. Phần mềm thi cảm tình đoàn của Tỉnh đoàn;
29. Website Liên hiệp các tổ chức hữu nghị;
30. Phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc;
31. Trang thông tin điện tử Quỹ đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng tỉnh;
32. Trang thông tin điện tử của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Phúc;
33. Phần mềm quản lý chứng thực;
34. Hệ thống quản lý dữ liệu số hồ sơ tốt nghiệp;
35. Phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính;
36. Phần mềm quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc;
37. Hệ thống thông tin quản lý nguồn cung lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;
38. Hệ thống website của các trường Mầm non, Tiểu học và THCS tích hợp trên Cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc;
39. Phần mềm hỗ trợ công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;
40. Phần mềm quản lý thông tin bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;
41. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo nghề tỉnh Vĩnh Phúc;
42. Hệ thống thu thập và quản lý trực tuyến thông tin xuất nhập khẩu.

Phụ lục 2**DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, PHÁT TRIỂN
CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NĂM 2021***(Kèm theo Kế hoạch số 326 /KH-UBND ngày 31 /12/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)**(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)
	TỔNG				83.589
I	Dự án công nghệ thông tin				42.898
1	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	QĐ 682/QĐ-UBND ngày 23/3/2021	2021-2022	2.895
2	Đầu tư nâng cấp mạng LAN và mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn tại Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	QĐ 2634/QĐ-UBND ngày 25/9/2021	2021-2022	3.404
3	Đầu tư nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu chung (LGSP) tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Thông tin và Truyền thông	3013/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	2021-2022	14.757
4	Nâng cấp Cổng Thông tin – Giao tiếp điện tử và các cổng thành phần		3012/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	2021-2022	9.290
5	Bổ sung, nâng cấp hệ thống lưu trữ, sao lưu dữ liệu các hệ thống thông tin của tỉnh tại Trung tâm Hạ tầng thông tin		3014/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	2021-2022	12.552
II	Nhiệm vụ công nghệ thông tin				43.691
1	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Vĩnh Phúc	Văn phòng UBND tỉnh	3109/QĐ-CT ngày 10/12/2020	2021	5.528
2	Luân chuyển hồ sơ hai chiều giữa Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.		122/QĐ-CT ngày 09/01/2021	2021-2023	6.585
3	Thuê dịch vụ sao lưu, bảo đảm an toàn cho hệ thống dữ liệu dùng chung của tỉnh năm 2021	Sở Thông tin và Truyền thông	3401/QĐ-CT ngày 31/12/2020	2021	840
4	Nâng cấp hệ thống tiếp nhận, giải quyết các phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân với chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	301/QĐ-CT ngày 03/02/2021	2021	940
5	Nâng cấp trang thông tin điện tử của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh		2021	139
6	Kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Thông tin và Truyền thông	636/QĐ-CT ngày 15/3/2021	2021-2022	5.866
7	Mua sắm phần mềm phòng, chống mã độc tập trung		1705/QĐ-CT ngày 30/6/2021	2021	2.800

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)
8	Đào tạo kiến thức nâng cao về an toàn an ninh thông tin cho cán bộ làm về công nghệ thông tin		267/QĐ-STTTT ngày 17/11/2021	2021	220
9	Diễn tập phòng chống tấn công trên không gian mạng tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020		246/QĐ-STTTT ngày 02/11/2021	2021	450
10	Gia hạn bản quyền phần mềm của hệ thống sao lưu dữ liệu tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh Vĩnh Phúc		142/QĐ-STTTT ngày 11/6/2021	2021	398
11	Xây dựng Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc (phiên bản 1.0)		29/QĐ-STC ngày 03/02/2021	2021	463
12	Thuê đường truyền Leasedline Internet tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh		709/QĐ-CT ngày 24/3/2021	2021	1.705
13	Mua dịch vụ bảo hành, bảo trì hệ thống UPS Galaxy G5000 100KVA tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh Vĩnh Phúc		85/QĐ-STTTT ngày 26/4/2021	2021	399
14	Lắp đặt hệ thống Camera giám sát tại các cơ sở cách ly tập trung để phòng, chống Covid-19 của Sở Thông tin và Truyền thông		1770/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	2021	1.431
15	Mua dịch vụ bảo hành Hệ thống điều hòa chính xác tại Trung tâm Hạ tầng thông tin		65/QĐ-STC ngày 27/4/2021	2021	422
16	- Gia hạn bản quyền phần mềm, bảo hành thiết bị bảo mật tại Trung tâm Hạ tầng thông tin - Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 của tỉnh		867/QĐ-CT ngày 09/4/2022	2021	4.943
17	Thuê đường truyền Internet Leasedline phục vụ hoạt động của Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc năm 2021, 2022.		3402/QĐ-CT ngày 31/12/2020	2021-2022	1.162
18	Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin và nâng cấp mạng LAN của Trung tâm Giống nông nghiệp	Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc		2021	459
19	Nâng cấp phần mềm tòa soạn điện tử và đầu tư trang thiết bị Báo Vĩnh Phúc	Báo Vĩnh Phúc	VB số 5627/UBND-TH2 ngày 27/7/2020	2021	2.919
20	Đề án xây dựng đô thị thông minh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Xây dựng	1954/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	2021	903
21	Đề án xây dựng đô thị Vĩnh Phúc theo định hướng văn minh, hiện đại đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Xây dựng	1519/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	2021	1.519

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)
22	Mua sắm phòng trực tuyến, sửa chữa hệ thống camera	Trường chính trị		2021	700
23	Xây dựng hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động	Sở Lao động, Thương binh và XH		2021	2.900

Phụ lục 3**NHU CẦU DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NĂM 2022**(Kèm theo Kế hoạch số 326 /KH-UBND ngày 31 /12/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

S TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Kinh phí	Phân bổ năm 2022	Nguồn vốn
	TỔNG		729.340	640.563	
1	Xây dựng hạ tầng nền tảng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Thông tin và Truyền thông	385.000	346.500	Đầu tư công
2	Thuê dịch vụ đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc		5.866	2.924	Sự nghiệp
3	Thuê hệ thống GIS dùng chung tỉnh Vĩnh Phúc		5.600	5.600	Sự nghiệp
4	Thuê Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC)		4.300	4.300	Sự nghiệp
5	Thuê hệ thống Camera giám sát an toàn giao thông, an ninh trật tự		8.200	8.200	Sự nghiệp
6	Thuê kho dữ liệu điện tử dùng chung tỉnh Vĩnh Phúc		12.400	12.400	Sự nghiệp
7	Thuê dịch vụ hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022		2.400	2.400	Sự nghiệp
8	Thuê hệ thống một cửa, dịch vụ công 3 cấp tỉnh, huyện, xã (5 năm)		4.250	4.250	Sự nghiệp
9	Mua sắm bổ sung thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến cho một số trung tâm chỉ huy cấp huyện, cấp xã cho Sở Thông tin và Truyền thông		6.754	6.754	Sự nghiệp
10	Diễn tập phòng chống tấn công trên không gian mạng tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022		450	450	Sự nghiệp
11	Tuyên truyền và đào tạo, tập huấn, phổ cập các kiến thức về công nghệ thông tin, kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ công chức, viên chức và người dân tỉnh Vĩnh Phúc		2.700	2.700	Sự nghiệp
12	Đào tạo kiến thức nâng cao về an toàn an ninh thông tin cho cán bộ làm về công nghệ thông tin		220	220	Sự nghiệp
13	Mua dịch vụ bảo hành hệ thống lưu trữ		1.200	1.200	Sự nghiệp
14	Ứng dụng công nghệ về quản lý chính sách người có công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Lao động, Thương binh và XH	20.000	18.000	Đầu tư công
15	Mua sắm hệ thống camera cơ sở cai nghiện		4.900	4.900	Sự nghiệp
16	Đầu tư phần mềm, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ quản lý, điều hành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh	Sở Giao thông VT	5.000	5.000	Sự nghiệp

S TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Kinh phí	Phân bổ năm 2022	Nguồn vốn
17	Đầu tư nâng cấp mạng LAN và mua sắm thiết bị CNTT phục vụ công tác chuyên môn tại Sở Giao thông vận tải		3.404	3.064	Đầu tư công
18	Đầu tư trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin đối với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc		13.500	12.150	Đầu tư công
19	Đầu tư trang thiết bị phục vụ quan trắc và phân tích môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	6.838	6.154	Đầu tư công
20	Số hóa hồ sơ địa chính qua các thời kỳ đang lưu trữ tại VP đăng ký đất đai		3.282	3.282	Sự nghiệp
21	Thuê hệ thống phần mềm quản lý đất đai (5 năm)		8.000	8.000	Sự nghiệp
22	Đầu tư thiết bị, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin ngành Y tế		14.000	12.600	Đầu tư công
23	Kinh phí thuê phần mềm và duy trì hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân	Sở Y tế	3.000	3.000	Sự nghiệp
24	Thuê phần mềm Khám chữa bệnh của đơn vị trực thuộc		4.500	4.500	Sự nghiệp
25	Phần mềm vệ sinh an toàn thực phẩm		800	800	Sự nghiệp
26	Kinh phí đảm bảo đường truyền nội bộ đến cấp xã	Văn phòng Tỉnh ủy	1.066	1.066	Sự nghiệp
27	Đầu tư phòng họp không giấy E Cabinet (năm 2021 đã cấp 5.000 triệu)		7.478	2.478	Sự nghiệp
28	Trang bị thiết bị công nghệ thông tin phục vụ số hóa hồ sơ thủ tục hành chính		1.700	1.700	Sự nghiệp
29	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Vĩnh Phúc		5.409	886	Sự nghiệp
30	Bổ sung hồ sơ mua sắm thiết bị bổ sung phòng máy chủ Văn phòng UBND tỉnh, bảng điện tử, hệ thống camera giám sát tại trụ sở làm việc HDND-UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	2.994	2.994	Sự nghiệp
31	Thuê Hệ thống phòng họp không giấy (eCabinet)		1.000	1.000	Sự nghiệp
32	Số hóa dữ liệu hộ tịch		31.449	10.000	Sự nghiệp
33	Phần mềm xử phạt vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	2.700	2.700	Sự nghiệp
34	Kết nối, liên thông, số hóa và khai thác dữ liệu lý lịch tư pháp		15.000	15.000	Sự nghiệp
35	Nâng cấp hệ thống mạng LAN và bổ sung trang thiết bị CNTT tại Sở Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ	2.000	2.000	Sự nghiệp
36	Xây dựng Phần mềm theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính	Sở Nội vụ	3.000	3.000	Sự nghiệp

S TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Kinh phí	Phân bổ năm 2022	Nguồn vốn
37	Xây dựng cơ sở dữ liệu về tín ngưỡng, tôn giáo		5.000	5.000	Sự nghiệp
38	Mua sắm trang thiết bị trường quay và hệ thống thiết bị tiền kỳ lưu động phục vụ công tác chuyên môn cho Báo Vĩnh Phúc	Báo Vĩnh Phúc	15.000	15.000	Sự nghiệp
39	Nâng cấp tòa soạn báo điện tử và trang thiết bị báo Vĩnh Phúc		3.000	3.000	Sự nghiệp
40	Xây dựng phần mềm khai thác báo cáo phục vụ công tác quản lý tài chính, điều hành, quyết toán ngân sách	Sở Tài chính	350	350	Sự nghiệp
41	Thuê phần mềm quản lý tài sản (5 năm)		4.200	4.200	Sự nghiệp
42	Nâng cấp hệ thống mạng Lan, mạng điện thoại tại trụ sở Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Vĩnh Phúc	Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh	500	500	Sự nghiệp
43	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin Số hóa du lịch tỉnh Vĩnh Phúc	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	20.000	9.700	Sự nghiệp
44	Đầu tư hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin , mạng LAN, camera giám sát phục vụ hoạt động của Trung tâm Đào tạo vận động viên tỉnh Vĩnh Phúc		2.200	2.200	Sự nghiệp
45	Số hóa dữ liệu thư viện tỉnh		3.000	3.000	Sự nghiệp
46	Nâng cấp phần mềm quản lý công tác tiếp dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra tỉnh	2.100	2.100	Sự nghiệp
47	Bảo đảm truyền hình tác chiến đến đơn vị trực thuộc	Bộ chỉ huy Quân sự	5.000	5.000	Sự nghiệp
48	Số hóa hồ sơ học sinh và bằng tốt nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.900	2.900	Sự nghiệp
49	Hệ thống thông tin quản lý cán bộ ngành giáo dục đào tạo; Nâng cấp Cổng thông tin		12.000	12.000	Sự nghiệp
50	Xây dựng cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp Vĩnh Phúc	Sở Công Thương	1.265	1.265	Sự nghiệp
51	Nâng cấp hệ thống mạng LAN và bổ sung các trang thiết bị CNTT		3.400	3.400	Sự nghiệp
52	Nâng cấp nâng cấp cơ sở dữ liệu ngành Công Thương		1.500	1.500	Sự nghiệp
53	Thuê phòng họp không giấy Ecabinet và mua sắm thiết bị CNTT	Văn phòng HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh	2.000	2.000	Sự nghiệp

S TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Kinh phí	Phân bổ năm 2022	Nguồn vốn
54	Thiết lập hệ thống tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính kết nối Công an tỉnh, công an huyện	Công an tỉnh	5.970	5.970	Sự nghiệp
55	Nâng cấp, sửa chữa, mua sắm máy móc trang thiết bị, sửa chữa mạng LAN nội bộ các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT	3.000	3.000	Sự nghiệp
56	Giám sát rừng thông minh và tích hợp quản lý đa dạng sinh học		7.900	7.900	Sự nghiệp
57	Đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT tại Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.895	2.606	Đầu tư công
58	Nâng cấp hệ thống mạng LAN, thiết bị CNTT	Ban Dân tộc	800	800	Sự nghiệp
59	Chỉnh lý và số hóa dữ liệu các cơ quan, địa phương	Các sở, ngành, địa phương	25.000	25.000	Sự nghiệp

Tổng kinh phí nguồn đầu tư công phân bổ năm 2022: 401,074 tỷ đồng;

Tổng kinh phí nguồn sự nghiệp phân bổ năm 2022: 239,489 tỷ đồng